

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v : Ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ. TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tường;
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Nguyễn Quỳnh T - Sinh năm 1997
Nơi ĐKKHKT: T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: đường N, phường Q, thành phố T.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc N - Sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: L, phường Đ, thành phố T.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quách Nguyễn Quỳnh T trình bày: Chị và anh N kết hôn với nhau vào ngày 05/8/2015, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T vào ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng

không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N chơi bời, thiếu trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Nam P, sinh ngày 02/02/2016, ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Trần Ngọc N trong quá trình giải quyết vụ án anh N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai, triệu tập phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên Hòa giải nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, không đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo triệu tập của Tòa án, do vậy Tòa án không lấy được lời khai, không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Trần Ngọc N, về con cái chị T đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung, về tài sản và công nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đã được Tòa án tổng đạt triệu tập họp lệ đến phiên Tòa 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ hôn nhân gia đình đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc xác M, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cho VKS và cho đương sự có đúng quy định. Đảm bảo về mặt thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là bị đơn không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, Điều 234 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng bị đơn không đến Tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Quách Nguyễn Quỳnh T và anh Trần Ngọc N kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T ngày 04/6/2016 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã mâu thuẫn nhiều năm, cuộc sống chung không thể kéo dài điều này đã được chị T, ông Trần Ngọc M (bố đẻ anh N) và phố phường nơi anh chị cư trú xác nhận. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con cái: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Nam P, sinh ngày 02/02/2016, ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy lâu nay cháu P đang ở với chị T, cháu P còn nhỏ, chị T có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có điều kiện gần gũi chăm sóc con tốt hơn, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp .

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đó được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Ngọc N (bị đơn) vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh N không đến Tòa án. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2]. Về hôn nhân: Chị Quách Nguyễn Quỳnh T và anh Trần Ngọc N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị T, ông M (bố đẻ anh N) và xác nhận của chính quyền địa P nơi anh chị cư trú. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh N, Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh N đã đến mức trầm trọng nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Quách Nguyễn Quỳnh T được ly hôn anh Trần Ngọc N.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Nam P, sinh ngày 02/02/2016, ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy lâu nay cháu P đang ở với chị T, cháu P còn nhỏ, chị T có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có điều kiện gần gũi chăm sóc con tốt hơn, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam P, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều

271;Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Nguyễn Quỳnh T được ly hôn anh Trần Ngọc N.

2. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Nam P, sinh ngày 02/02/2016. Ly hôn giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Nam P. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0012835 ngày 19/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph P;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt